

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hương

Ông Phạm Quốc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1971 (Vắng mặt);

Trú tại: Tổ A, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 24/5/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Trần Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn, nhưng có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình, sau đó bà H và ông D cùng sinh sống tại ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, mâu

thuần kéo dài nhiều năm liền. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà H đề nghị Toà án không công nhận bà và ông Trần Văn D là vợ chồng .

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau bà H và ông D có 03 con chung: Trần Thị Ngọc D1, sinh năm: 1991; Trần Hoàng L, sinh năm: 1993 và Trần Thanh P, sinh năm: 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Tại Bản tự khai ngày 24/5/2024, bị đơn ông Trần Văn D trình bày:*

Ông D thống nhất như lời trình bày của bà H về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đồng ý với yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H không công nhận vợ chồng.

Về con chung: bà H và ông D có 03 con chung: Trần Thị Ngọc D1, sinh năm: 1991; Trần Hoàng L, sinh năm: 1993 và Trần Thanh P, sinh năm: 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Phạm Thị H và ông Trần Văn D là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Phạm Thị H và ông Trần Văn D là vợ chồng. Xét bà H, ông D chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, ông D có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Không công nhận vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Bà H và ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H, ông D.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần Văn D chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán, có con chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, mặc dù có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên việc kết hôn của ông D và bà H không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý. Theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận bà H và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông D có 03 con chung, gồm Trần Thị Ngọc D1, sinh năm: 1991; Trần Hoàng L, sinh năm: 1993 và Trần Thanh P, sinh năm: 1997. Nhưng các con đều đã trưởng thành nên cả hai bên đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Phạm Thị H và ông Trần Văn D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005192 ngày 02/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký HKTT
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải